

Nho Quan, ngày 14 tháng 01 năm 2025

Số: 07/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 233/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị [Bùi Thị N](#), sinh năm 2001

Địa chỉ: [Thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình](#).

- Bị đơn: Anh [Bùi Ngọc T](#), sinh năm 1995

Địa chỉ: [Thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình](#).

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị [Bùi Thị N](#) và anh [Bùi Ngọc T](#).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị [Bùi Thị N](#) và anh [Bùi Ngọc T](#) thoả thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thỏa thuận anh **T** tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu **Bùi Thanh T1** sinh ngày 02/12/2017, cháu **Bùi Thị Bảo A** sinh ngày 03/11/2019 (Hiện cả hai cháu đang ở với anh **T**) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị **N** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **T** mỗi cháu 1000.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng khi Quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh **T** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị **N** không thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng chị **N** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị **Bùi Thị Ngọc N1** nộp cả theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng (150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con). Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **N** đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án huyện Nho Quan theo biên lai thu số 0001391 ngày 17/10/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

- UBND xã X
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án./.

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH